

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một quá trình tất yếu khách quan của các nước từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn. Đặc điểm quan trọng, cơ bản mang tính quyết định nhất của công nghiệp hóa là sự thay thế lao động thủ công bằng lao động mang tính kỹ thuật, máy móc trên qui mô toàn bộ nền kinh tế quốc dân, đẩy mạnh sự phân công lao động xã hội và sản xuất hàng hóa.

1- Mục đích, đặc điểm, nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta

Trong công cuộc xây dựng đất nước, Đảng ta xác định Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Thực chất của công nghiệp hóa, là sự phát triển khoa học kỹ thuật công nghệ nhằm tác động trong sự chuyển hóa toàn bộ nền sản xuất xã hội (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ ...) từ lao động có trình độ công nghệ thấp lên trình độ công nghệ hiện đại. Lực lượng lao động sẽ chuyển dịch thích ứng về cơ cấu ngành nghề, về tay nghề và học vấn.

Vấn đề thiết bị, con người, thông tin, và tổ chức quản lý là vấn đề cơ bản mang tính cốt tử của công nghiệp hóa. Cũng từ những nội dung đã đề cập cho thấy có những cách tiếp cận, cũng như các quan niệm khác nhau khi nghiên cứu về công nghiệp hóa.

Quan niệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Trong đó công nghiệp và dịch vụ chiếm tỷ trọng ngày càng lớn, và bản thân lĩnh vực công nghiệp cũng thực hiện quá trình chuyển dịch từ công nghiệp khai thác sang công nghiệp chế biến.

VÀI NÉT VỀ VỐN ĐẦU TƯ TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở NƯỚC TA

Thạc sĩ PHẠM THỊ
HẠ NGUYỄN

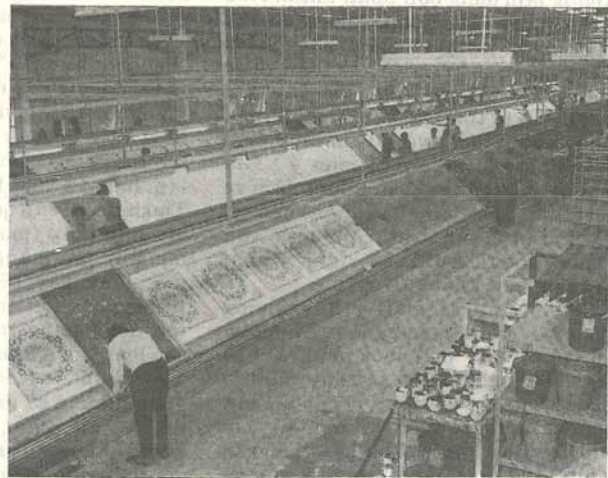
Quan niệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một chiến lược phát triển kinh tế xã hội, khoa học công nghệ trong cả quá trình phát triển.

Quan niệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình cải biến lao động thủ công lạc hậu thành lao động sử dụng kỹ thuật và công nghệ tiên tiến để đạt năng suất lao động xã hội cao.

Ở nước ta đường lối phát triển công nghiệp hóa đã được Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III/1960 xác định - coi công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong quá trình thực hiện

hiện đại hóa là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, và quản lý kinh tế - xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học - công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao".(1)

Đánh giá tổng quát 10 năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện, và 5 năm thực hiện Nghị Quyết Đại Hội VII, Đảng ta nhấn mạnh: "...Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt



đường lối công nghiệp hóa, Đảng ta đã nhiều lần điều chỉnh nội dung, biện pháp thực hiện cụ thể cho phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội Việt nam.

Từ những bài học kinh nghiệm trong và ngoài nước, cả về thành công, cũng như thất bại, Hội nghị TW VII khoá VII Đảng Cộng Sản Việt Nam một lần nữa khẳng định tính tất yếu của sự nghiệp công nghiệp hóa nước nhà, cũng như những thay đổi có ý nghĩa chiến lược trong tư duy về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Từ Hội nghị này quan niệm của Đảng ta về công nghiệp hóa, hiện đại hóa được nêu rõ: " Công nghiệp hóa,

còn chưa vững chắc. Nhiệm vụ để ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa đã cơ bản hoàn thành, cho phép chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước..."(2)

Từ những quan niệm về công nghiệp hóa như đã tiếp cận, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt nam có những đặc điểm sau:

Thứ nhất, từ một nước nông nghiệp lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội, kể từ khi bước vào thời kỳ quá độ đến nay, cái thiếu của chúng ta là thiếu một lực lượng sản xuất phát triển,



bảo đảm cho nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững, có hiệu quả, vì vậy nếu không quan tâm trước hết đến phát triển lực lượng sản xuất thì không thể nói đến quá độ lên chủ nghĩa xã hội, mà muốn phát triển lực lượng sản xuất thì tất yếu phải đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thứ hai, chúng ta tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa trên nguyên tắc giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ đối ngoại, dựa vào nguồn lực trong nước là chính đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài. Xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước sản xuất. Lấy hiệu quả kinh tế-xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để xác định phát triển và đầu tư công nghệ.

Thứ ba, công nghiệp hóa phải gắn liền với hiện đại hóa (thật ra trước đây và hiện nay đều phải được tiến hành theo hướng hiện đại hóa tuy có sự khác nhau về mức độ). Do sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ trong những thập kỷ gần đây, khái niệm về hiện đại hóa luôn được bổ sung với những nội dung mới bao quát nhiều mặt từ sản xuất - kinh doanh đến dịch vụ, quản lý... Những phát minh khoa học và công nghệ được coi là tiến bộ cách đây vài thập kỷ thì nay nhiều cái đã trở nên

bình thường, thậm chí lạc hậu, cần được thay thế. Trong vài ba thập kỷ tới, tương ứng với thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta, sự phát triển của khoa học công nghệ sẽ còn mạnh mẽ hơn và do đó, yêu cầu hiện đại hóa càng bức bách hơn.

Thứ tư, công nghiệp hóa, hiện đại hóa của chúng ta được tiến hành theo cơ chế mới, cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Kế hoạch hóa chủ yếu mang tính định hướng, thị trường phản ánh nhu cầu xã hội có tiếng nói quyết định trong việc phân bổ các nguồn lực cho sản xuất, hình thành cơ cấu kinh tế, lấy hiệu quả kinh tế làm thước đo chủ yếu. Điều này hoàn toàn khác với trước đây công nghiệp hóa được tiến hành và thực hiện bởi cơ chế tập trung và bao cấp, kế hoạch hóa tập trung với các chỉ tiêu pháp lệnh, hoạt động sản xuất kinh doanh bất chấp hiệu quả kinh tế xã hội, và thực chất thời kỳ công nghiệp hóa trước đây chúng ta chỉ phí nhiều nhưng hiệu quả thu được chưa cao, chưa góp phần một cách tích cực vào việc thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, cũng như rất hạn chế trong việc hình thành và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại.

Thứ năm, công nghiệp hóa trước đây được hiểu là công việc của nhà nước thực hiện thông qua khu vực kinh tế quốc doanh và tập thể là chủ yếu. Ngày nay sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa được xác

định là sự nghiệp của toàn dân, với sự tham gia tích cực của các thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo.

Thứ sáu, công nghiệp hóa trước đây tiến hành trong hoàn cảnh còn sự giúp đỡ của hệ thống các nước XHCN. Ngày nay chúng ta tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh quốc tế và khu vực có nhiều thay đổi, Đảng ta đã đề ra quan điểm xây dựng nền kinh tế mở

tự khoa học và công nghệ tiên tiến của thời đại. Đặc trưng này sẽ mở ra cho chúng ta nhiều con đường đi tắt, cho phép thực hiện trong thời gian lịch sử rất ngắn so với quá trình công nghiệp hóa cổ điển lâu dài trước kia. Trong những năm còn lại của thập kỷ 90, nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta là:

- Đặc biệt coi trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn: Phát triển toàn diện



cả trong nước và với bên ngoài, đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ đối ngoại trên cơ sở giữ vững độc lập chủ quyền, thúc đẩy các quan hệ hợp tác, liên doanh nhằm thu hút vốn, công nghệ mới, kinh nghiệm quản lý tiên tiến của nước ngoài. Và quan niệm của chúng ta về công nghiệp hóa cũng được điều chỉnh phù hợp với xu thế quốc tế hóa và hội nhập về kinh tế.

Vấn đề cơ bản của công nghiệp hóa hiện nay không phải là tự mình sáng tạo ra những công nghệ mà mình muốn, mà chỉ cần nắm bắt được những công nghệ đã phát minh ra trên thế giới phù hợp với hoàn cảnh của đất nước, có khi tuy không phải là công nghệ tiên tiến nhất nhưng đem lại hiệu quả kinh tế cao và có điều kiện chuyển giao. Phù hợp với sự phát triển của thời đại quan điểm đổi mới về công nghiệp hóa của Đảng là gắn công nghiệp hóa với hiện đại hóa, với việc áp dụng rộng rãi những thành

nông, lâm, ngư nghiệp, hình thành các vùng chuyên canh có cơ cấu hợp lý về cây trồng vật nuôi, có sản phẩm hàng hóa nhiều về số lượng, tốt về chất lượng, đảm bảo an toàn về lương thực trong xã hội, đáp ứng được yêu cầu của công nghiệp chế biến và của thị trường trong và ngoài nước...

- Phát triển công nghiệp, ưu tiên các ngành chế biến lương thực - thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin: Phát triển có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng (năng lượng - nhiên liệu, vật liệu xây dựng, cơ khí chế tạo, đóng và sửa chữa tàu thủy, luyện kim, hóa chất), tăng thêm năng lực sản xuất tương ứng với yêu cầu tăng trưởng kinh tế, nâng cao khả năng độc lập tự chủ về kinh tế và quốc phòng.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng: Khắc phục tình trạng xuống cấp của hệ thống giao thông hiện có, khôi phục và nâng cấp một

số tuyến giao thông trọng yếu, kết hợp giao thông với thủy lợi, tận dụng giao thông đường thủy, mở thêm đường đến các vùng sâu, vùng xa; cải thiện giao thông ở các thành phố lớn, cải tạo nâng cấp một số cảng sông, cảng biển, sân bay, xây dựng dần các cảng biển nước sâu.

Tiếp tục phát triển và hiện đại mạng lưới thông tin liên lạc quốc gia; phát triển nguồn điện, cải tạo và mở rộng mạng lưới điện đáp ứng nhu cầu và cung cấp điện ổn định; cải thiện việc cấp thoát nước ở đô thị, thêm nguồn nước sạch cho nông thôn; đầu tư cho kết cấu hạ tầng xã hội (giáo dục, y tế, văn hóa - thông tin, thể thao...)

- Phát triển nhanh du lịch, các dịch vụ hàng không, hàng hải, bưu chính - viễn thông, thương mại, vận tải, tài chính, ngân hàng, kiểm toán, bảo hiểm, công nghệ, pháp lý, thông tin... và các dịch vụ phục vụ đời sống nhân dân.

Từng bước đưa nước ta trở thành trung tâm du lịch, thương mại - dịch vụ có tầm cỡ trong khu vực.

- Phát triển hợp lý các vùng lãnh thổ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế lãnh thổ trên cơ sở khai thác triệt để các lợi thế, tiềm năng của từng vùng, liên kết hỗ trợ nhau, làm cho tất cả các vùng đều phát triển.

- Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại: Đẩy mạnh xuất khẩu, coi xuất khẩu là hướng ưu tiên và trọng điểm của kinh tế đối ngoại. Tạo thêm các

mặt hàng xuất khẩu chủ lực. Nâng sức cạnh tranh của hàng xuất khẩu trên thị trường, giảm tỷ trọng sản phẩm thô và sơ chế, tăng tỷ trọng sản phẩm chế biến sâu và tinh trong hàng xuất khẩu, tăng nhanh xuất khẩu dịch vụ.

Để thực hiện những mục đích, nội dung cơ bản như đã nêu, việc tiến hành quá trình công nghiệp hóa ở nước ta hiện nay cần hội đủ nhiều yếu tố, trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập đến vấn đề vốn - yếu tố cần thiết cho mọi quá trình phát triển.

2. Phát triển nguồn vốn nhằm thực hiện chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Hiện nay, nền kinh tế đang bước vào một giai đoạn phát triển mới - giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước mà mục tiêu tổng quát là tăng thu nhập quốc dân lên gấp hai lần trong khoảng từ năm 1991 đến năm 2000, vấn đề đầu tư nói chung, vấn đề vốn nước ngoài nói riêng đang nổi lên như là một thách thức gay gắt nhất. Triển vọng tăng trưởng nhanh của đất nước là tốt đẹp, song cũng có không ít trở ngại đặt ra. Nếu không có giải pháp khắc phục kịp thời thì không những không đạt được mục tiêu đề ra, mà ngay cả những thành tựu đã đạt được trước kia cũng có nguy cơ bị hủy hoại.

Phân tích chiến lược và giải pháp tạo vốn chúng ta có thể thấy rõ 3 mô hình

cơ bản là: chiến lược và biện pháp tạo vốn "hướng nội"; chiến lược và biện pháp tạo vốn "hướng ngoại"; chiến lược và biện pháp tạo vốn kết hợp nguồn vốn trong nước và ngoài nước.

Xét cả 3 mô hình, trong bối cảnh kinh tế chính trị thế giới vừa thuận lợi vừa khó khăn hiện nay, mô hình thích hợp cho chiến lược tạo vốn của Việt Nam là thu hút vốn nước ngoài kết hợp với việc huy động mọi nguồn vốn trong nước.

Nếu chỉ dựa vào nguồn vốn trong nước, ta có lợi thế "tự lực cánh sinh" chậm mà chắc, đó là nguồn tiềm ẩn tương đối lớn. Tuy nhiên yếu tố thời gian không cho phép chúng ta chậm trễ, bởi vì khoảng cách lạc hậu giữa các quốc gia theo tỷ lệ thuận, càng chậm bao nhiêu càng tụt hậu đến đó.

Nguồn vốn bên ngoài nếu được thu hút và sử dụng không có hiệu quả sẽ tạo nên gánh nặng tài chính cho quốc gia và những thế hệ sau phải gánh chịu hậu quả nợ nần đó (Trường hợp Argentina, Brazil là một ví dụ điển hình: sau một thời kỳ tăng trưởng rực rỡ, đã bị rơi vào tình trạng bất ổn và suy thoái nghiêm trọng - thậm chí còn tụt xuống thấp hơn mức xuất phát như Nigeria).

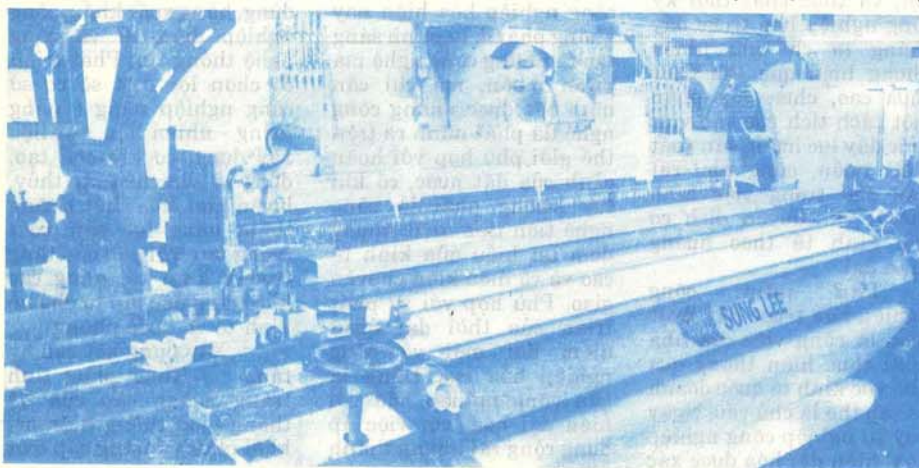
Do vậy, giải pháp có hiệu quả nhất là kết hợp việc huy động mọi nguồn vốn trong nước và thu hút nguồn vốn bên ngoài. Đi theo mô hình này sẽ tạo được thế chủ động trong việc thực hiện chiến lược

phát triển kinh tế - xã hội..

Vốn đầu tư trong nền sản xuất là vốn tiền tệ được tích lũy của xã hội bằng nhiều nguồn của các doanh nghiệp, tiền tiết kiệm của dân và vốn huy động từ các nguồn khác được đưa vào sử dụng trong quá trình sản xuất - kinh doanh, trong hoạt động kinh tế - xã hội nói chung nhằm đạt hiệu quả nhất định.

Để hiểu rõ vấn đề này, xin lược qua các nguồn vốn trong và ngoài nước:

Trong thời kỳ bao cấp, nguồn vốn từ các nước XHCN, trong đó Liên Xô là chủ yếu, các nước phương Tây cung cấp ODA cho Việt Nam chủ yếu là Thụỵ Điển, do chính sách phong tỏa cấm vận đối với nền kinh tế nước ta. Giai đoạn này nằm trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp, do vậy có những đặc trưng cơ bản khác hẳn so với giai đoạn đổi mới là: Nguồn vốn nước ngoài chủ yếu từ các nước XHCN. Điều đó phản ánh tính chất khép kín về kinh tế giữa nội bộ các nước XHCN với nhau, tách rời thị trường quốc tế, phạm vi giao lưu kinh tế quốc tế của Việt Nam rất hạn chế. Chính vì lý do đó việc lựa chọn mô hình chiến lược phát triển kinh tế của nước ta bị hạn chế, do thiếu hẳn các điều kiện tham gia cạnh tranh trên thế giới; Nhà nước là người duy nhất thực hiện việc huy động và quản lý sử dụng nguồn vốn nước ngoài, đặc điểm này do bản chất của chế độ công hữu, cơ chế kế hoạch hóa tập trung quy định. Do đó việc huy động và sử dụng vốn chủ yếu căn cứ vào kế hoạch của nhà nước, điều này đã dẫn đến việc sử dụng vốn hiệu quả không cao; cơ cấu nguồn vốn vay chưa hợp lý, tính đến năm 1993 vay nhập siêu chiếm tỷ lệ 50,1%, vay cho các công trình hợp tác và nhập thiết bị chỉ chiếm 25,1%. Cơ cấu này phản ánh sự thiếu hụt ngân sách, tiêu dùng. Vốn nước ngoài được huy động thực chất cho đầu tư phát triển chỉ là một lượng nhỏ (25%) mà không chú trọng đầu tư



sản xuất để xuất khẩu. Do vậy trong nhiều năm khả năng trả nợ bị hạn chế, thiếu hụt ngân sách liên tục xảy ra, nợ cũ nợ mới chồng chất nhau.

Trong thời kỳ đổi mới, thực hiện chính sách kinh tế mở, việc thu hút vốn nước ngoài để phát triển là quy luật khách quan đối với nền kinh tế Việt Nam.

- Vốn ngoài nước được hình thành từ 3 nguồn chính sau đây:

. Nguồn viện trợ phát triển chính thức (Official Development Assistance) bao gồm nguồn vốn ODA của các nước OECD và OPEC, cùng các bên song phương và đa phương khác.

Trên thế giới, đây là nguồn lớn nhất, chiếm 50 - 70% tổng vốn nước ngoài. Tất nhiên, với từng nước từng thời kỳ có thay đổi khác nhau.

Viện trợ ODA bao gồm một phần viện trợ không hoàn lại, số còn lại là các khoản cho vay với điều kiện ưu đãi. Các nước cung cấp ODA là các nước tư bản phát triển (Nhật, EEC, Mỹ...) do vậy còn tùy thuộc mối quan hệ giữa Việt Nam và các nước này mà nguồn vốn có thể tăng giảm khác nhau. Viện trợ ODA bao gồm cả sự trợ giúp về kỹ thuật, thường được sử dụng vào mục tiêu tạo ra môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế và thu hút vốn đầu tư trực tiếp. Với tính chất ưu đãi, lãi suất thấp, thời gian vay nợ kéo dài và có khoản thời gian hoãn nợ, ODA thường được dùng cho các dự án có thời gian hoàn vốn lâu.

Hiệu quả sử dụng vốn ODA gắn liền với tính khả thi của dự án, nếu không tính toán kỹ, với những dự án không khả thi thì chính ODA và các khoản tín dụng ưu đãi sẽ dẫn đến nợ nần. Vì vậy khi thu hút nguồn vốn ODA cần lưu ý đến vấn đề sử dụng sao cho có hiệu quả nhất.

. Nguồn tín dụng từ các tổ chức tiền tệ tài chính quốc tế như: IMF, WB, ADB và các quỹ của các tổ chức kinh tế khu vực khác... Đây là nguồn vốn có những ưu điểm tương tự

như ODA, nhưng qui mô và quyền hạn sử dụng rộng rãi hơn. Thông qua hoạt động này một phần đáp ứng yêu cầu trợ vốn cho phát triển, mặt khác mở ra cơ hội cho Việt Nam hoà nhập vào nền tài chính quốc tế. Chúng ta đã gia nhập các tổ chức của WB là: Ngân hàng tái thiết và phát triển (IBRD), Hiệp hội phát triển quốc tế (IDA), Công ty tài chính quốc tế IFC, MIGA Cơ quan đảm bảo đầu tư đa biên...

Kết quả bước đầu về xử lý nợ của Việt Nam rất đáng khích lệ, một mặt chúng ta đã giảm được một phần nợ, mặt khác khôi phục được uy tín đối với các chủ nợ tạo điều kiện vay thêm.

Cần lưu ý việc đi vay cũng chỉ được các tổ chức đồng ý theo những dự án đã được các chuyên gia của họ thẩm định về mức độ khả thi tương đối kỹ càng và thường xuyên kiểm tra việc triển khai dự án đó. Vì vậy nếu không có một chiến lược đầu tư để sử dụng vốn vay có hiệu quả thì cả nợ lẫn lãi ngày càng chồng chất, và như vậy khả năng huy động vốn nước ngoài ngày càng hạn chế.

Vốn đầu tư trực tiếp của các tổ chức kinh tế và cá nhân nước ngoài (FDI). Đây là hình thức đầu tư được pháp luật nước ta khuyến khích, với các hình thức độc lập kinh doanh, hoặc tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh tạo ra sản phẩm tham gia vào thị trường, mặt khác từng bước đào tạo tay nghề, trình độ quản lý cho người lao động trong nước.

Tuy nhiên muốn thu hút được vốn nước ngoài nhiều hay ít điều đó còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó sự bảo đảm quyền lợi của chủ đầu tư phải thể hiện bằng pháp luật.

Đầu tư trực tiếp (FDI) có những đóng góp to lớn vào nguồn thu của ngân sách, giải quyết được việc làm, tạo ra sản phẩm hàng hóa và sự phát triển năng động của nền kinh tế trong nước.

Hiện nay, hướng thu hút vốn đầu tư ở những

nước đang phát triển là nhằm vào kỹ thuật cao, còn các nước NICs Đông Á lại quan tâm đến việc thu hút vốn nước ngoài phục vụ xuất khẩu. Đây cũng là một kinh nghiệm mà Việt Nam có thể tham khảo để hoạch định chiến lược thu hút vốn đầu tư nước ngoài thực hiện chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Vốn trong nước:

Sơ lược qua về nguồn vốn này trong thời gian qua có thể chia làm hai giai đoạn chính.

Trước đổi mới, ở Việt Nam không có thị trường tài chính, mọi nguồn vốn đều tập trung trong tay nhà nước và phân bổ theo kế hoạch cho các dự án, xí nghiệp. Từ khi thực hiện đường lối đổi mới, cùng với chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, các nguồn vốn tiềm ẩn đã được giải phóng và huy động tối đa vào quá trình đầu tư vào mọi lĩnh vực. Nếu như năm 1988 tỷ lệ đầu tư của nền kinh tế chỉ đạt 8,9% GDP thì đến năm 1991 tỷ lệ đầu tư là 15% và tỷ lệ tiết kiệm là 10,1%, năm 1994 các tỷ lệ tương ứng là 16,7% và 24%.

Kể cả hai khu vực nhà nước và tư nhân đầu tư và tiết kiệm đều tăng nhanh, trong 5 năm từ 91-95 ước tính huy động nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt từ 15-16 tỷ USD trong đó nhà nước chiếm khoảng 43%, đầu tư trực tiếp nước ngoài khoảng 37% và trong nhân dân khoảng 20%. Nhà nước đã chuyển mạnh từ cơ chế đầu tư bằng vốn ngân sách đối với các doanh nghiệp nhà nước có tính chất bao cấp, sang tín dụng đầu tư mở rộng liên doanh liên kết, vay vốn trong và ngoài nước. Từ đó đã tập trung hơn vốn của ngân sách cho đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, vốn đầu tư của nhân dân đã cho ra đời nhiều cơ sở sản xuất của tư nhân phần lớn ở qui mô vừa và nhỏ, một vài doanh nghiệp tư nhân qui mô lớn thu hút nhiều lao động và hoạt động có hiệu quả.

Nếu so sánh với các nước NICs của Đông Á thì

tỷ lệ tích lũy và đầu tư ở Việt Nam còn thấp, do đó ta thấy việc huy động nguồn vốn cho phát triển kinh tế tuy có những kết quả ban đầu nhưng vẫn là một lĩnh vực nóng bỏng và là thách thức lớn, lâu dài đối với nước ta trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

. Nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Nguồn này chủ yếu dùng vào việc định hướng đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm và mở rộng qui mô doanh nghiệp hiện có, cũng như mở thêm doanh nghiệp mới theo yêu cầu mở rộng thị trường trong và ngoài nước.

. Nguồn vốn nhân rồi trong dân chúng.

. Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước.

Vốn đầu tư có thể được huy động từ trong nước cũng như từ nước ngoài. Trong điều kiện quốc tế hóa đời sống kinh tế được đẩy mạnh thì nguồn vốn nước ngoài càng trở nên cần thiết và phổ biến. Tuy nhiên không bao giờ được quên rằng trong chiến lược phát triển chung của một nước, nguồn vốn nước ngoài dù quan trọng đến đâu, cũng chỉ là bộ phận của tổng thể các nguồn lực của nó. Để đạt hiệu quả tăng trưởng cao, trong chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cần tạo ra sự kết hợp hài hòa giữa nguồn lực trong nước và ngoài nước.

Vốn là một trong những yếu tố quan trọng nhất đảm bảo cho sự thành công của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta. Với chính sách đổi mới không ngừng và những thành tựu bước đầu đã đạt được, Việt Nam có thể sẽ huy động được các nguồn vốn cần thiết cho công cuộc phát triển kinh tế xã hội trong giai đoạn tới.

Tài liệu tham khảo:

- (1). Nghị quyết TW VII, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII.
- (2). Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII.